

# VAI TRÒ CỦA BẢN ĐỒ TƯ DUY VỚI SINH VIÊN NGÀNH THIẾT KẾ SÁNG TẠO

NGUYỄN THỊ DIỆU HUYỀN

Email: dieuhuyen0203@gmail.com

Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp

## THE ROLE OF MIND MAP WITH CREATIVE DESIGN STUDENTS

### TÓM TẮT

### ABSTRACT



Một trong những mục tiêu quan trọng nhất của giáo dục là giúp người học phát huy được tối đa mức độ sử dụng các khả năng tinh thần. Bản đồ tư duy do Tony Buzan sáng lập ra được cho là một trong những công cụ giúp giải quyết vấn đề này. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu tập trung phân tích hiệu quả của việc sử dụng bản đồ tư duy trong quá trình dạy và học, tuy nhiên vẫn còn rất ít những kết luận thuyết phục về tác động của bản đồ tư duy đối với sinh viên ngành thiết kế sáng tạo. Với phương pháp phân tích tổng hợp, nghiên cứu này hy vọng có thể đưa ra được những ảnh hưởng tiềm tàng của bản đồ tư duy trong giáo dục nghệ thuật.

One of the most important goals in education is to enable learners to maximize the use of their mental abilities. Mind mapping created by Tony Buzan is said to be one of the tools to help solve this problem. Although there have been many studies focusing on analyzing the effectiveness of using mind maps in teaching and learning, there are still few convincing conclusions about the impact of mind maps on creative design students. With the method of meta-analysis, this study hopes to reveal the potential effects of mind mapping in art education.

**Keywords:** Mind map, education, creative design

**Từ khóa:** Bản đồ tư duy, giáo dục, thiết kế sáng tạo

### Đặt vấn đề

Lập bản đồ tư duy là một kỹ thuật biểu diễn kiến thức bằng cách sử dụng một mạng lưới hoặc một sơ đồ phi tuyến tính kết hợp các yếu tố bằng lời nói và biểu tượng được giả định là lược đồ. Sinh viên có thể cô đọng kiến thức của mình bằng cách sử dụng sơ đồ tư duy, do đó giảm tải bộ nhớ làm việc và ghi nhớ kiến thức dễ dàng hơn và rõ ràng hơn. Hơn nữa, sự tham gia của sinh viên vào sơ đồ tư duy có thể khuyến khích việc thực hành tích cực, từ đó củng cố kiến thức của họ. Một số sinh viên gặp khó khăn trong việc học tốt trong lớp vì họ không tìm được những cách hay như sơ đồ tư duy để phù hợp với cách học của mình. Bằng cách sử dụng bản đồ tư duy, họ có thể cá nhân hóa các ghi chú của mình để có lợi nhất cho trí nhớ. So với lời nói, não bộ con người ghi nhớ hình ảnh tốt hơn; sơ đồ tư duy thể hiện những đường cong uyển chuyển và nhiều màu sắc có thể giúp người học hiểu và ghi nhớ chủ đề. Theo Akinoglu và Yasar (2007), học tập là quá trình đi kèm với các chiến lược nhận thức để lưu giữ kiến thức, học hợp tác và cộng tác, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và học tập chuyên đối. Chin và cộng sự (2011) cho rằng trong giáo dục, bản đồ tư duy đã được sử dụng rộng rãi trong việc động não các ý tưởng, đào tạo và phát triển, tổ chức các ý tưởng và giải quyết vấn đề. Dựa trên những điều này, có thể nhận thấy sơ đồ tư duy có tác dụng tích cực trong

việc dạy và học. Vì vậy, việc nghiên cứu tác dụng của sơ đồ tư duy đối với việc dạy và học là vô cùng cần thiết.

### 1. Khái niệm Bản đồ Tư duy

Buzan (1993) định nghĩa bản đồ tư duy “là một biểu hiện của Tư duy Rực rỡ và do đó là một chức năng của tâm trí con người,” và “là một kỹ thuật đồ họa mạnh mẽ cung cấp chìa khóa chung để mở ra tiềm năng của bộ não.” Sơ đồ tư duy có bốn đặc điểm cơ bản: Ở trung tâm là hình ảnh chủ đề chính, các nhánh phát triển tỏa ra từ chủ đề đó, các nhánh bao gồm hình ảnh hoặc từ khóa nằm trên đường liên kết, và các nhánh tạo ra một cấu trúc kết nối (Ibrahim, 2013). Tương tự như bản đồ khái niệm, bản đồ tư duy cũng là một loại công cụ sắp xếp thị giác được mô tả trực quan trong không gian hai chiều, bao gồm sơ đồ, dòng thời gian và bảng biểu. Chúng thể hiện mối quan hệ giữa các khái niệm hoặc quá trình thông qua vị trí không gian, các đường kết nối và các hình giao nhau (John và Olusola, 2006). Bằng cách sử dụng thiết kế hình ảnh và đồ họa như vậy, lập bản đồ tư duy có thể làm cho việc học và dạy trở nên sinh động hơn, do đó có thể thúc đẩy khả năng ghi nhớ cũng như nâng cao động lực của người học. Với cấu trúc tự do và không bị giới hạn bởi một định dạng lý tưởng nào, việc lập bản đồ tư duy thúc đẩy tư duy sáng tạo và khuyến khích “động não.”

### 2. Tính hiệu quả của việc lập bản đồ tư duy

Lập bản đồ tư duy là một công cụ để củng cố tư duy thị giác cho quá trình học tập (Buzan và Buzan, 2002). Vì lập bản đồ tư duy cho phép sinh viên tự do thể hiện ý tưởng và kết nối những ý tưởng đó theo cách phi tuyến tính, phương pháp này kích thích tư duy đa dạng (Leeds và cộng sự, 2019) do đó có lợi thế trong việc phát triển các khả năng bậc cao, chẳng hạn như khả năng sáng tạo. Do tính linh hoạt và đơn giản của nó, bản đồ tư duy đã được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngữ cảnh khác nhau.

Wang và cộng sự (2010) kết luận rằng chiến lược lập sơ đồ tư duy rất hữu ích cho sự sáng tạo và giải quyết vấn đề vì vẽ bằng từ ngữ và các ký hiệu phi từ ngữ có thể kích hoạt động cơ học tập của sinh viên và khơi gợi tư duy trừu tượng của họ. Hwang và cộng sự (2012) đã thực hiện một nghiên cứu thử nghiệm điều tra tác dụng của bản đồ tư duy trong một khóa học lập kế hoạch kinh doanh. Có hai nhóm thử nghiệm: một nhóm sử dụng ứng dụng bản đồ tư duy trên điện thoại di động, nhóm còn lại sử dụng ứng dụng bản đồ tư duy trên máy tính. Nhóm kiểm soát đã sử dụng phương pháp thông thường. Kết quả cho thấy sinh viên ở cả hai nhóm thí nghiệm (bản đồ tư duy dựa trên thiết bị di động và trên máy tính) đều vượt trội hơn hẳn so với nhóm đối chứng về khả năng tư duy sáng tạo. Họ lập luận rằng các biểu diễn đồ họa và hình vẽ trong bản đồ tư duy tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia vào tư duy khác nhau, do đó, thúc đẩy sự sáng tạo. Trong một nghiên cứu thử nghiệm khác với sinh viên đại học, Malycha và Maier (2017) đã phát hiện ra rằng việc sử dụng kỹ thuật lập bản đồ tư duy đã nâng cao đáng kể năng lực của sinh viên trên cả ba khía cạnh sáng tạo (bao gồm sự trôi chảy, linh hoạt và độc đáo).

Nghiên cứu của Buzan và Buzan (2003) cho thấy, việc sử dụng kỹ thuật lập bản đồ tư duy đã cải thiện thành tích của sinh viên trong các môn khoa học. Orhan (2007) đã cho thấy những kết quả tích cực đáng kể trong việc học tập khái niệm của sinh viên, khắc phục những quan niệm sai lầm, thành tích học tập và thái độ đối với các khóa học khoa học khi sinh viên ghi chép bằng phương pháp sơ đồ tư duy. Giáo dục khoa học nhấn mạnh sự tham gia của người học trong việc tìm kiếm, thực hiện, thử nghiệm hoặc quan sát trong khi lập bản đồ tư duy khuyến khích sinh viên tham gia học tập. Pehkonen (1997) nhận định lập bản đồ tư duy có lợi cho học sinh học toán. Brinkmann (2003) đã mô tả rằng bản đồ tư duy có thể được sử dụng trong giáo dục toán học để tổ chức thông tin, hoạt động như công cụ hỗ trợ trí nhớ, làm việc để lặp lại và tóm tắt, tóm tắt ý tưởng của một số học sinh, kết nối có ý nghĩa thông tin mới với kiến thức đã cho, giới thiệu khái niệm mới, cho phép nhận thức cấu trúc của học sinh trở nên rõ ràng và thúc đẩy

sự sáng tạo. Chei-Chang Chiou (2008) đã viết rằng lập bản đồ tư duy giúp ích cho sinh viên trong các khóa học kế toán nâng cao. Sơ đồ tư duy có thể giúp sinh viên tương tác kiến thức kế toán của họ với thông tin chính thức của họ cũng như nâng cao hứng thú của sinh viên đối với kế toán thông qua màu sắc và biểu mẫu tự do.

Cunningham (2005) đã thực hiện một nghiên cứu mà trong đó 80% sinh viên cho rằng việc lập sơ đồ tư duy giúp họ hiểu các khái niệm và ý tưởng trong khoa học. Tuy nhiên, ý kiến tích cực về hiệu quả của việc sử dụng bản đồ tư duy nổi bật hơn nhiều ở sinh viên nghệ thuật và thiết kế so với sinh viên máy tính và công nghệ thông tin, với 62,5% so với 34% (tương ứng) đồng ý rằng họ có thể hiểu các khái niệm tốt hơn với phần mềm lập bản đồ tư duy. Farrand, Hussain và Hennessy (2002) nhận thấy rằng sơ đồ hình nhện (tương tự như bản đồ khái niệm) có tác động hạn chế, nhưng đáng kể, đối với khả năng nhớ lại trí nhớ ở sinh viên đại học (tăng 10% so với mức cơ bản cho một văn bản 600 từ) so với các phương pháp nghiên cứu khác. Một nghiên cứu tổng hợp đã kết luận rằng việc lập bản đồ khái niệm hiệu quả hơn việc “đọc các đoạn văn bản, tham dự các bài giảng và tham gia vào các cuộc thảo luận trong lớp.” Ngoài ra, họ kết luận rằng việc lập bản đồ tư duy mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên có năng lực thấp hơn là cho những sinh viên có trình độ khá.

### 3. Bản đồ tư duy và sinh viên ngành thiết kế sáng tạo

Sáng tạo là một kỹ năng quan trọng của thế kỷ 21, giúp sinh viên nâng cao khả năng nhìn thấy cơ hội mới, đương đầu với thách thức mới và thích ứng linh hoạt với các tình huống học tập, công việc và cuộc sống luôn thay đổi. Để nuôi dưỡng sinh viên có năng lực bản thân mạnh mẽ trong tư duy sáng tạo cần có chiến lược phát triển bền vững, trong đó không tạo ra khối lượng công việc quá tải cho giảng viên, đồng thời vẫn thúc đẩy được tính hiệu quả trong sáng tạo của sinh viên là một thách thức lâu dài.

Theo Borg (1952), sinh viên ngành thiết kế sáng tạo thường có xu hướng thể hiện sự nhạy cảm, tự do, giàu trí tưởng tượng, phóng khoáng và thẳng thắn hơn trong việc bộc lộ quan điểm cá nhân. Họ suy nghĩ và thể hiện bản thân theo những cách sáng tạo, độc đáo; có mong muốn thoát khỏi ranh giới giải quyết các vấn đề theo cách thông thường; có tâm lý tò mò, khám phá các phương pháp mô tả ý tưởng và cảm xúc. Bản đồ tư duy nghệ thuật cho phép sinh viên suy nghĩ một cách logic, cung cấp không gian cho các lựa chọn khác nhau, thúc đẩy suy nghĩ vượt ra ngoài khuôn khổ. Vì bộ não thường không suy nghĩ ở dạng danh sách mà theo cách tự phát, hình dạng của cấu trúc giống cây sẽ hỗ trợ trí tưởng tượng và hoạt động như một tờ giấy nháp trong quá trình lập bản đồ tư duy.

## ARTS

Đối với công việc sáng tạo nghệ thuật, bản đồ tư duy là một công cụ hỗ trợ về mặt thị giác có những tác dụng đáng kể như: làm rõ ý tưởng, xác định mục tiêu, khơi dậy tính sáng tạo, phục hồi lại mục đích, làm mới niềm đam mê đôi khi bị coi nhẹ trong quá trình thiết kế... Các yếu tố cần được cân nhắc khi xây dựng bản đồ tư duy nghệ thuật có thể kể đến:

- Khái niệm: Ý tưởng chính là gì? Cần khám phá điều gì?
- Ảnh hưởng: Ai/Điều gì là nguồn cảm hứng?
- Kỹ thuật: Phương pháp để khám phá ý tưởng?
- Phát triển thiết kế: Các yếu tố nào phù hợp để áp dụng?
- Bối cảnh: Ý tưởng có thể tạo ra kết quả gì?
- Đánh giá: Tiêu chí để đánh giá là gì?
- Kết quả: Đích đến là gì?

Để đảm bảo tính hiệu quả của việc lập bản đồ tư duy cho mục tiêu thiết kế sáng tạo, một số lưu ý sau cần được cân nhắc kỹ lưỡng:

- “Thị trường ngách”: Có một cách đơn giản để tìm một thị trường ngách của từng cá nhân. Sinh viên có thể viết “phong cách nghệ thuật của tôi” ở giữa bản đồ tư duy rồi xây dựng dựa trên đó. Khi hoàn thành, sinh viên có thể thấy rõ sự quan tâm của mình tập trung vào đâu là nhiều nhất.

- Phát triển “thị trường ngách”: Khi đã xác định được hướng phát triển độc đáo của riêng cá nhân, sinh viên cần khám phá các cách để mở rộng “thị trường ngách” của mình, từ đó xây dựng bản đồ bằng việc sử dụng tất cả mọi thứ được liên kết với ý tưởng gốc, chẳng hạn: những dự án đang thực hiện, kế hoạch trong tương lai, các diễn đàn trên internet liên quan đến lĩnh vực đó...

Do tính đặc thù trong tâm lý của sinh viên ngành thiết kế sáng tạo là thường chủ quan duy ý chí, nên việc lập bản đồ tư duy còn có tác dụng trong việc giúp sinh viên có thể phát triển khả năng tự đánh giá các sáng tạo của mình. Tự đánh giá là “một quá trình trong đó sinh viên thu thập thông tin về kết quả hoạt động của bản thân, đánh giá và phản ánh về chất lượng của quá trình học tập và kết quả của họ theo các tiêu chí đã chọn để xác định điểm mạnh và điểm yếu của bản thân” (Yan và Brown, 2017). Trong quá trình tự đánh giá, sinh viên được khuyến khích chịu trách nhiệm về việc học của mình bằng cách đóng vai trò không chỉ là người nhận đánh giá mà còn là người thiết kế và sử dụng đánh giá (Wu và cộng sự, 2021). Do đó, tự đánh giá là một quá trình học tập, chứ không phải là một phương pháp đánh giá, cung cấp cho học sinh nhiều cơ hội học tập (Yan và Carless, 2021). Trong một đánh giá gần đây, Bolden và cộng sự (2020) kết luận rằng tự đánh giá hoặc tự phản ánh có thể thúc đẩy cả các sản phẩm và quy trình sáng tạo. Điều này là do tự đánh giá khuyến khích sinh viên phản ánh về quá

trình học tập và sản phẩm của họ dựa trên các tiêu chí đánh giá. Tự duy phản chiếu như vậy có thể dẫn đến các chiến lược học tập thích ứng hoặc các lộ trình sáng tạo để đạt được các mục tiêu học tập.

### Kết luận

Với đặc trưng là tính linh hoạt và đơn giản, bản đồ tư duy đã được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngữ cảnh khác nhau, đặc biệt trong môi trường học tập của sinh viên ngành thiết kế sáng tạo. Việc sử dụng bản đồ tư duy có thể cải thiện khả năng lưu giữ kiến thức và làm rõ các khái niệm dẫn đến sự hiểu biết sâu sắc về nội dung học tập và học tập sâu hơn ở sinh viên. Do đó, sự tham gia lặp đi lặp lại trong bản đồ tư duy có thể mang lại cho người học cảm giác được khuyến khích và thành công, dẫn đến việc nâng cao hiệu quả bản thân của sinh viên. Bên cạnh đó, việc lập bản đồ tư duy có thể là một thách thức không nhỏ về mặt nhận thức đối với một số sinh viên, vì vậy cần có sự hướng dẫn phù hợp từ giảng viên. Hơn nữa, việc nhận xét, đánh giá phản hồi về bản đồ tư duy của sinh viên có thể tốn nhiều thời gian của giảng viên. Do đó, cần có chiến lược xây dựng những mẫu sơ đồ tư duy dễ sử dụng (đối với sinh viên) và hiệu quả về thời gian (đối với giảng viên) để đảm bảo khả năng phát triển bền vững của phương pháp này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Akinoglu O, Yasar Z (2007). *The effects of note taking in science education through the mind mapping technique on students' attitudes, academic achievement and concept learning*. **J. Baltic Sci. Edu.** 6(3): 34-43.
2. Ibrahim MAJ (2013). *The Impact of Digital Mind Maps on Science Achievement among Sixth Grade Students in Saudi Arabia*, **Procedia - Social and Behavioral Sciences**. 103: 1078 – 1087.
3. Buzan T, Buzan B (1993). *The mind map book: How to use radiant thinking to maximize your brain's untapped potential*. **New York, Penguin Group**.
4. Borg, W. R. (1952). *Personality characteristics of a group of college art students*. **Journal of Educational Psychology**, 43(3), 149-156.
5. Yan, Z., and Brown, G. T. L. (2017). *A cyclical self-assessment process: towards a model of how students engage in self-assessment*. **Assess. Eval. High. Educ.** 42, 1247-1262.